

Số: /TB-TTYT

Thời Sơn, ngày 07 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá cạnh tranh gói cải tạo, sửa chữa

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-TCHC ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Phòng Tổ chức – Hành chính về việc dự trù kinh phí xây dựng, bảo trì, sửa chữa, mua sắm tài sản năm 2025.

Căn cứ vào Tờ trình số 136/TTr-TTYT ngày 11/8/2025 của Trung tâm Y tế Tỉnh Biên về việc xin phê duyệt chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất;

Căn cứ vào Công văn số: 2679/SYT-KHTC ngày 30/10/2025 của Sở Y tế tỉnh An Giang về việc thống nhất chủ trương cho Trung tâm Y tế Tỉnh Biên trong việc sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất từ nguồn thu của đơn vị theo Tờ trình số 136/TTr-TTYT ngày 11/8/2025 để duy trì hoạt động thường xuyên của Trung tâm.

Trung tâm Y tế Tỉnh Biên thông báo mời chào giá cạnh tranh gói cải tạo, sửa chữa đến các nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, giá theo hồ sơ yêu cầu với các nội dung sau:

Tên gói thầu: **CẢI TẠO CÁC KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ TỈNH BIÊN**

I. CẢI TẠO SỬA CHỮA HÀNH LANG, PHÒNG TRƯỞNG KHOA, PHÒNG ĐO ĐIỆN TİM VÀ PHÒNG HÀNH CHÁNH KHOA KHÁM BỆNH:

STT	Ký hiệu bản vẽ	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
		HM	CẢI TẠO SỬA CHỮA NHÀ VỆ SINH NHÂN VIÊN, PHÒNG THU VIỆN PHÍ, LẤN KIỂM CHỐNG THẨM TRÉT BỘT SƠN BỀ TƯỜNG CỬ VÁCH VÀ TRẦN KHOA KHÁM BỆNH		
			Nhà vệ sinh nhân viên		
1		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tảng rời	m3	2.5360
			vách: $1,28*3*0,1+1,6*2,2*0,1 = 0,736$		
			nền: $2*3*0,3 = 1,8$		

2		SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	2.5360
			$2,536 = 2,536$		
3		AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc $\leq 7\text{cm}$	100m2	2.5360
			$2,536 = 2,536$		
4		AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75	m3	1.560
			$2,6*3*0,1*2 = 1,56$		
5		AK.31140	Ốp gạch tường, kích thước gạch $\leq 0,54\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	25.60
			$1,6*(3+3+3+3+2+2) = 25,6$		
6		AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	38.240
			$2,6*3*4 = 31,2$		
			$0,4*2,2*8 = 7,04$		
7		AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	64.20
			$2*3,2*3 = 19,2$		
			$3*3*4 = 36$		
			$3*3 = 9$		
8		AK.84112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	64.20
			$2*3,2*3 = 19,2$		
			$3*3*4 = 36$		
			$3*3 = 9$		
9		BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.060
			$6/100 = 0,06$		
10		BB.41103	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	0.050
			$5/100 = 0,05$		
11		BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.120
			$12/100 = 0,12$		
12		BB.91201	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	1.0
			$1 = 1$		
13		BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	1.0
			$1 = 1$		
14		BB.91901	Lắp đặt gương soi	cái	1.0
			$1 = 1$		
15		BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	2.0
			$2 = 2$		

16		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	6.0
			$2*3 = 6$		
17		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54m^2$, vữa XM mác 75	m2	6.0
			$2*3 = 6$		
18		AI.63232	Vách kính khung nhôm trong nhà	m2	2.9640
			$0,6*2,17*2 = 2,604$		
			$0,6*0,6 = 0,36$		
			Phòng thu viện phí		
19		AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	76.0
			$5*3,2*2 = 32$		
			$4*3*2 = 24$		
			$4*5 = 20$		
20		AK.84112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	76.0
			$5*3,2*2 = 32$		
			$4*3*2 = 24$		
			$4*5 = 20$		
21		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	2.20
			$2*1,1 = 2,2$		
22		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54m^2$, vữa XM mác 75	m2	2.20
			$2*1,1 = 2,2$		
23		AI.63232	Cửa đi kính khung nhôm Xingfa	m2	4.8578
			$1,07*2,27*2 = 4,8578$		
			Trét bột, sơn bê mặt tiền		
24		BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.40
			$40/100 = 0,4$		
25		BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	10.0
			$10 = 10$		
26		AK.21123	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	143.0
			$143 = 143$		
27		AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	604.80
			$57,6*8,4 = 483,84$		
			$2,1*57,6 = 120,96$		
28		AK.84112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	604.80
			$57,6*8,4 = 483,84$		
			$2,1*57,6 = 120,96$		

		HM	CẢI TẠO SỬA CHỮA NHÀ PHÒNG PHÁT THUỐC BẢO HIỂM HIỂM Y TẾ, PHÒNG KHÁM 01-02, PHÒNG HÀNH CHÁNH KHOA KHÁM BỆNH		
			PHÒNG PHÁT THUỐC BHYT		
29		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	12.3120
			vách giữa và WC: $(3,6*5,5+3,6*2,1+3,6*3,6+2,1*3,6+1,2*3,6)*0,1 = 5,22$		
			vách sau: $2,4*1,2*2*0,2 = 1,152$		
			nền: $5,5*7,2*0,15 = 5,94$		
30		SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	12.3120
			$12,312 = 12,312$		
31		AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc ≤ 7 cm	100m2	12.3120
			$12,312 = 12,312$		
32		AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày ≤ 30 cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM mác 75	m3	1.4295
			$(3,4+3,6+2,53)*1,5*0,1 = 1,4295$		
33		AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	34.350
			$(3,4+3,6+2,53)*1,5*2 = 28,59$		
			$(0,1+0,2+0,1)*3,6*2*2 = 5,76$		
34		AK.31140	Ốp gạch tường, kích thước gạch $\leq 0,54$ m2, vữa XM mác 75	m2	28.590
			$(3,4+3,6+2,53)*1,5*2 = 28,59$		
35		AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	100.3259
			4 vách: $(1,26+5,5)*3,6*2*2 = 97,344$		
			trừ cửa đi, vách kính và gạch ốp: - $(2,4*1,2*2)+(1,07*(2,4+3,6))+(1,07*2,17) = 2,9819$		
36		AK.84112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	110.0
			$110 = 110$		
37		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	8.640
			nền: $1,2*7,2 = 8,64$		
38		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54$ m2, vữa XM mác 75	m2	8.640
			nền: $1,2*7,2 = 8,64$		
39		BB.41103	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	0.050
			$5/100 = 0,05$		

40		BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.120
			$12/100 = 0,12$		
41		BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	1.0
			$1 = 1$		
42		BA.13102	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần	bộ	4.0
			$4 = 4$		
43		BA.154011	Lắp đặt hộp nối, phân dây, công tắc, cầu chì, automat, KT $\leq 40\text{cm}^2$ Hộp $\leq 4 \times 5\text{cm}$	hộp	6.0
			$6 = 6$		
44		BA.161031	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$, $1 \times 1,5\text{mm}^2$	m	150.0
			$150 = 150$		
45		BA.17301	Lắp đặt công tắc, ổ cắm hỗn hợp - loại 1 công tắc, 1 ổ cắm	bảng	6.0
			$6 = 6$		
46		AI.63232	Vách kính khung nhôm trong nhà	m ²	5.760
			$1,2 \times 2,4 \times 2 = 5,76$		
			PHÒNG KHÁM 01-02		
47		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m ³	1.9870
			bê đá: $(0,8 \times 5 \times 0,1 \times 2) + (0,8 \times 0,8 \times 4 \times 0,2) = 1,312$		
			nền: $0,9 \times 5 \times 0,15 = 0,675$		
48		SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m ³	1.9870
			$1,987 = 1,987$		
49		AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc $\leq 7\text{cm}$	100m ²	1.9870
			$1,987 = 1,987$		
50		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m ²	4.50
			$0,9 \times 5 = 4,5$		
51		AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m ²	5.280
			$0,8 \times 5 + 0,8 \times 0,8 \times 2 = 5,28$		
52		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m ²	4.50
			$0,9 \times 5 = 4,5$		
			PHÒNG HÀNH CHÁNH		
53		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m ³	0.8460

			bê đá: $(0,8*2*0,1*2)+(0,8*0,8*2*0,2) = 0,576$		
			nền: $0,9*2*0,15 = 0,27$		
54		SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	0.8460
			$0,846 = 0,846$		
55		AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc $\leq 7\text{cm}$	100m2	0.8460
			$0,846 = 0,846$		
56		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	1.80
			$0,9*2 = 1,8$		
57		AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	2.880
			$0,8*2+0,8*0,8*2 = 2,88$		
58		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	1.80
			$0,9*2 = 1,8$		
		THM	Tổng cộng: CẢI TẠO SỬA CHỮA NHÀ VỆ SINH NHÂN VIÊN, PHÒNG THU VIÊN PHÍ, LÀN KIỂM CHỐNG THẨM TRÉT BỘT SƠN BỀ TƯỜNG CỬ VÁCH VÀ TRẦN KHOA KHÁM BỆNH		

II. CẢI TẠO SỬA CHỮA PHÒNG LẤY MẪU XÉT NGHIỆM, PHÒNG SIÊU ÂM, PHÒNG LAB THUỘC KHOA XÉT NGHIỆM, CẢI TẠO 2 CÔNG VIÊN CẠNH PHÒNG MỒ VÀ THẢO DỮ CHÓT BẢO VỆ CỬ

STT	Ký hiệu bản vẽ	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
		HM	CẢI TẠO SỬA CHỮA PHÒNG LẤY MẪU XÉT NGHIỆM, PHÒNG SIÊU ÂM, PHÒNG LAB THUỘC KHOA XÉT NGHIỆM, CẢI TẠO 2 CÔNG VIÊN CẠNH PHÒNG MỒ VÀ THẢO DỮ CHÓT BẢO VỆ CỬ		
			PHÒNG LẤY MẪU XÉT NGHIỆM		
1		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	2.7760
			vách: $3,3*3,6*0,2 = 2,376$		
			vách: $1*2*0,2 = 0,4$		
2		SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	2.7760
			$2,776 = 2,776$		
3		AA.23105	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	100m2	2.7760

			2,776 = 2,776		
4		AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày <= 30cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	0.5040
			(1,2*2,5+1,2*1,7)*0,1 = 0,504		
5		AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	10.080
			(1,2*2,5+1,2*1,7)*2 = 10,08		
6		AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch <= 0,16m2, vữa XM mác 75	m2	10.080
			(1,2*2,5+1,2*1,7)*2 = 10,08		
7		AK.56160	Lát đá hoa cương bề lấy mẫu, vữa XM mác 75	m2	1.0
			0,4*2,5 = 1		
			PHÒNG SIÊU ÂM		
8		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tảng rời	m3	4.0640
			vách ngăn: 3,6*3,6*0,1 = 1,296		
			bê đá: ((2+3,6)*1*0,1*2)+(0,8*1*8*0,1) = 1,76		
			nền: (2+3,6)*1,2*0,15 = 1,008		
9		SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	4.0640
			4,064 = 4,064		
10		AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc <= 7cm	100m2	4.0640
			4,064 = 4,064		
11		AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày <= 30cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	4.320
			1,2*3,6 = 4,32		
12		AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	21.440
			1,2*3,6*2 = 8,64		
			(2+3,6+1,2+1,2)*1,6 = 12,8		
13		AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch <= 0,16m2, vữa XM mác 75	m2	16.80
			(2+3,6+1,2+1,2+2,5)*1,6 = 16,8		
14		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	6.720
			1,2*(2+3,6) = 6,72		
15		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch <=0,54m2, vữa XM mác 75	m2	6.720
			1,2*(2+3,6) = 6,72		
			PHÒNG LAB		
			phá dỡ phòng ATSH		

16		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	14.7960
			vách: $(5*3,6*2*0,2)+(3,6*3,6*0,1) = 8,496$		
			nền: $3,6*5*0,35 = 6,3$		
17		SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	14.7960
			$14,796 = 14,796$		
18		AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc $\leq 7\text{cm}$	100m2	14.7960
			$14,796 = 14,796$		
			phòng ATSH mới		
19		AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75	m3	1.350
			$(1,5+1,2)*2*2,5*0,1 = 1,35$		
20		AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	65.520
			$(1,5+1,2)*2*2,5*2 = 27$		
			$3,5*3,6+3,6*3,6*2 = 38,52$		
21		AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	42.560
			$((5+3,6)*2*1,6)+((1,5+1,2)*2*1,6)+(1,6*4) = 42,56$		
22		AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	18.0
			$3,6*5 = 18$		
23		AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	18.0
18			$3,6*5 = 18$		
24		AI.63232	Cửa đi kính khung nhôm Xingfa	m2	5.8480
19			$1,29*2,75 = 3,5475$		
			$1,07*2,15 = 2,3005$		
22			CHỐNG THẤM LẤN BÊ PHÒNG XN, SA, LAB		
25		P.10.20	Công tác cạo bột trét, sơn cũ trên tường trần	m2	375.850
			$((7,2+3,3)*3*2,2)+(7,2*3,3) = 93,06$		
			$((5,2+3,3)*4*2,2)+(7,2*3,3)+(1,5*3,6+1,2*3,6) = 108,28$		
			$(8,5+4,2)*3*2,2+(8,5*4,2) = 119,52$		
			$2,2*3,6*4+1,85*4,2*3 = 54,99$		
26		AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	375.850
			$((7,2+3,3)*3*2,2)+(7,2*3,3) = 93,06$		
			$((5,2+3,3)*4*2,2)+(7,2*3,3)+(1,5*3,6+1,2*3,6) = 108,28$		

			$(8,5+4,2)*3*2,2+(8,5*4,2) = 119,52$		
			$2,2*3,6*4+1,85*4,2*3 = 54,99$		
27		AK.84112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	375.850
			$((7,2+3,3)*3*2,2)+(7,2*3,3) = 93,06$		
			$((5,2+3,3)*4*2,2)+(7,2*3,3)+(1,5*3,6+1,2*3,6) = 108,28$		
			$(8,5+4,2)*3*2,2+(8,5*4,2) = 119,52$		
			$2,2*3,6*4+1,85*4,2*3 = 54,99$		
28		BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.10
			$10/100 = 0,1$		
29		BB.41103	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	0.450
			$45/100 = 0,45$		
30		BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.20
			$20/100 = 0,2$		
31		BB.91201	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	1.0
			$1 = 1$		
32		BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	2.0
			$2 = 2$		
33		BB.91901	Lắp đặt gương soi	cái	2.0
			$2 = 2$		
34		BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	6.0
			$6 = 6$		
		HM	CẢI TẠO 2 CÔNG VIÊN CẠNH PHÒNG MỒ VÀ THÁO DỖ CHÓT BẢO VỆ CỬ		
			Chốt bảo vệ cũ		
35		SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	32.40
			vách: $4*4,5*0,2*4 = 14,4$		
			nền: $4,5*4*1 = 18$		
36		SA.11232	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	5.9680
			cột: $0,2*0,2*4,5*4 = 0,72$		
			mái: $4,8*4,8*0,2 = 4,608$		
			Đà: $0,2*0,2*4*4 = 0,64$		
37		SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	36.240
			$36,24 = 36,24$		

38	AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc $\leq 7\text{cm}$	100m ²	36.240
		$36,24 = 36,24$		
39	AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m ²	31.7850
		$8,15 \times 3,9 = 31,785$		
		công viên cạnh phòng mổ		
40	AB.11313	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng $\leq 3\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp III	m ³	5.7960
		$(16,5+15,7) \times 2 \times 0,3 \times 0,3 = 5,796$		
41	AF.11110B	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, đá 4x6, vữa mác 75	m ³	1.9320
		$(16,5+15,7) \times 2 \times 0,3 \times 0,1 = 1,932$		
42	AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75	m ³	2.5760
		$(16,5+15,7) \times 2 \times 0,2 \times 0,2 = 2,576$		
43	AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m ²	25.760
		$(16,5+15,7) \times 2 \times 0,2 \times 2 = 25,76$		
44	AB.61250	Bơm cát san lấp mặt bằng phương tiện thủy (tàu hoặc sà lan), cự ly vận chuyển $\leq 3\text{km}$	100m ³	0.180
		$18/100 = 0,18$		
45	AB.66144	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,98$	100m ³	0.180
		$18/100 = 0,18$		
46	AK.41224	Láng nền sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 100	m ²	38.640
		$16,5 \times 1,2 + 15,7 \times 1,2 = 38,64$		
47	AK.55120	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng 40x40cm, vữa XM mác 75	m ²	38.640
		$16,5 \times 1,2 + 15,7 \times 1,2 = 38,64$		
48	AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m ²	32.0
		$8 \times 4 = 32$		
		công viên cạnh khoa sản		
49	AB.11313	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng $\leq 3\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp III	m ³	2.880
		$(9+7) \times 2 \times 0,3 \times 0,3 = 2,88$		
50	AF.11110B	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$, đá 4x6, vữa mác 75	m ³	0.960
		$(9+7) \times 2 \times 0,3 \times 0,1 = 0,96$		
51	AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75	m ³	1.280

			$(9+7)*2*0,2*0,2 = 1,28$		
52		AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	12.80
			$(9+7)*2*0,2*2 = 12,8$		
53		AB.61250	Bơm cát san lấp mặt bằng phương tiện thủy (tàu hoặc sà lan), cự ly vận chuyển ≤ 3km	100m3	0.1650
			$16,5/100 = 0,165$		
54		AB.66144	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,98	100m3	0.1650
			$16,5/100 = 0,165$		
		THM	Tổng cộng: CẢI TẠO SỬA CHỮA PHÒNG LẤY MẪU XÉT NGHIỆM, PHÒNG SIÊU ÂM, PHÒNG LAB THUỘC KHOA XÉT NGHIỆM, CẢI TẠO 2 CÔNG VIÊN CẠNH PHÒNG MỎ VÀ THÁO DỖ CHÓT BẢO VỆ CỬ		

III. CẢI TẠO LẤN KIỂM CHỐNG THẤM, TRÉT BỘT SƠN BÊ TƯỜNG CỬ VÁCH VÀ TRẦN KHOA NỘI TỔNG HỢP

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
		CHỐNG THẤM LẤN BÊ VÁCH, TRẦN CÁC PHÒNG VÀ HÀNH LANG		
1	P.10.20	Công tác tạo bột trét, sơn cũ trên tường trần	m2	1,245.4940
		$49,5*2,2*4 = 435,6$		
		$(4,3+4,2)*2,2*22 = 411,4$		
		$49,5*(4,3+4,2) = 420,75$		
		trừ cửa: $-0,65*1,07*16*2 = -22,256$		
2	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	1,245.4940
		$49,5*2,2*4 = 435,6$		
		$(4,3+4,2)*2,2*22 = 411,4$		
		$49,5*(4,3+4,2) = 420,75$		
		trừ cửa: $-0,65*1,07*16*2 = -22,256$		
3	AK.84111	Sơn dầu, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn 1 nước chống thấm	m2	1,245.4940
		$49,5*2,2*4 = 435,6$		
		$(4,3+4,2)*2,2*22 = 411,4$		
		$49,5*(4,3+4,2) = 420,75$		
		trừ cửa: $-0,65*1,07*16*2 = -22,256$		
4	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.080
		$8/100 = 0,08$		

5	BB.41103	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	0.070
		$7/100 = 0,07$		
6	BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.0450
		$4,5/100 = 0,045$		
7	BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	1.0
		$1 = 1$		
8	P.10.21	Công tác cạo xi măng cũ trên nền mái cũ đã bong tróc	m2	389.40
		$49,5*4+49,5*1,2+16,5*4*2 = 389,4$		
9	AK.41124	Láng nền sàn không đánh mẫu, dày 3cm, vữa XM mác 100	m2	389.40
		$49,5*4+49,5*1,2+16,5*4*2 = 389,4$		
10	AK.84223	Sơn dầu, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn chống thấm nền tầng mái	m2	198.0
		$49,5*4 = 198$		
11	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.320
		$32/100 = 0,32$		
12	BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	8.0
		$8 = 8$		
		Hành lang		
13	P.10.20	Công tác cạo bột trét, sơn cũ trên tường trần	m2	315.5720
		$49,5*2,2*2 = 217,8$		
		$49,5*2,2 = 108,9$		
		trừ cửa: $-0,65*1,07*16 = -11,128$		
14	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	315.5720
		$49,5*2,2*2 = 217,8$		
		$49,5*2,2 = 108,9$		
		trừ cửa: $-0,65*1,07*16 = -11,128$		
15	AK.84111	Sơn dầu, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn 1 nước chống thấm	m2	315.5720
		$49,5*2,2*2 = 217,8$		
		$49,5*2,2 = 108,9$		
		trừ cửa: $-0,65*1,07*16 = -11,128$		
16	AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	m2	6.40
		$1,6*4 = 6,4$		
		Phòng hành chính		
17	P.10.20	Công tác cạo bột trét, sơn cũ trên tường trần	m2	102.6790
		$16,5+4,5*4+16,5*4,5 = 108,75$		
		trừ cửa: $-(0,65*1,07*2+1,8*0,65*4) = -6,071$		

18	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	102.6790
		$16,5+4,5*4+16,5*4,5 = 108,75$		
		trừ cửa: $-(0,65*1,07*2+1,8*0,65*4) = -6,071$		
19	AK.84111	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn 1 nước chống thấm	m2	102.6790
		$16,5+4,5*4+16,5*4,5 = 108,75$		
		trừ cửa: $-(0,65*1,07*2+1,8*0,65*4) = -6,071$		
		WC Phòng trưởng khoa, Hành chánh, đo điện tim		
20	SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	6.0840
		vách ngăn: $0,6*2,6*3*3*0,1 = 1,404$		
		nền: $1,2*2,6*3*0,5 = 4,68$		
21	SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	6.0840
		$6,084 = 6,084$		
22	AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bốc ≤ 7 cm	100m2	6.0840
		$6,084 = 6,084$		
23	AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	15.120
		$0,6*2,8*3*3 = 15,12$		
24	AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16$ m2, vữa XM mác 75	m2	15.120
		$0,6*2,8*3*3 = 15,12$		
25	AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	9.360
		$1,2*2,6*3 = 9,36$		
26	AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54$ m2, vữa XM mác 75	m2	9.360
		$1,2*2,6*3 = 9,36$		
27	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.120
		$12/100 = 0,12$		
28	BB.41103	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	0.120
		$12/100 = 0,12$		
29	BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.30
		$30/100 = 0,3$		
30	BB.91201	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	2.0
		$2 = 2$		
31	BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	1.0
		$1 = 1$		

32	BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	6.0
		$6 = 6$		

IV. CẢI TẠO CHỐNG THẨM TẦNG MÁI KHOA CẤP CỨU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	P.10.21	Công tác tạo xi măng cũ trên nền mái cũ đã bong tróc	m2	208.80
		$14,4*14,5 = 208,8$		
2	SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	3.0
		$3 = 3$		
3	AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc ≤ 7 cm	100m2	0.030
		$3/100 = 0,03$		
4	AK.41124	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 100	m2	317.90
		nền: $14,4*4*2+14,5*4*2 = 231,2$		
		vách: $14,4*1,5*2+14,5*1,5*2 = 86,7$		
5	AK.55120	Lát gạch sân thượng , nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng 40x40cm, vữa XM mác 75	m2	24.240
		$(14,4*1,2)+(5,8*1,2) = 24,24$		
6	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	86.70
		vách: $14,4*1,5*2+14,5*1,5*2 = 86,7$		
7	AK.84114	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	86.70
		vách: $14,4*1,5*2+14,5*1,5*2 = 86,7$		
8	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.40
		$40/100 = 0,4$		
9	BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.170
		$17/100 = 0,17$		
10	BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	10.0
		$10 = 10$		
11	BB.91802	Lắp đặt ống kiểm tra, đường kính 100mm	cái	10.0
		$10 = 10$		
12	SA.11251	Phá dỡ kết cấu bê tông, bê tông tăng rời	m3	23.2320
		vách: $5*3*3,6*0,2+3,6*3,6*0,1 = 12,096$		
		nền: $5*3,6*0,2 = 3,6$		
		bê đá: $5*1,2*0,1*2+1,2*0,8*4*0,2 = 1,968$		

		bê đá phòng trực: $(3,6*1,2*0,2*2)+(0,8*1,2*4) = 5,568$		
13	SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	23.2320
		$23,232 = 23,232$		
14	AA.23105	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bốc $\leq 7\text{cm}$	100m2	23.2320
		$23,232 = 23,232$		
15	AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75	m3	3.0960
		$((2,6*3)+(1,2*1,6*4))*0,1*2 = 3,096$		
16	AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	76.560
		vách: $3,6*(5+3,6+3,2+3,6) = 55,44$		
		cột: $3,6*1,6*2 = 11,52$		
		phòng trực: $1,6*3,6+1,2*1,6*2 = 9,6$		
17	AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	59.680
		vách: $1,6*(5+3,6+3,2+3,6) = 24,64$		
		vách: $1,6*(2,2+3,1+2,7+2,6+2,1) = 20,32$		
		cột: $1,6*1,6*2 = 5,12$		
		phòng trực: $1,6*3,6+1,2*1,6*2 = 9,6$		
18	AK.41123	Láng nền sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 75	m2	18.0
		$3,6*5 = 18$		
19	AK.51290	Lát nền, sàn, kích thước gạch $\leq 0,54\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	18.0
		$3,6*5 = 18$		
		XÂY CỬA LỐI ĐI THÔNG QUA PHÒNG KHÁM		
20	AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM mác 75	m3	1.1840
		$1,2*3,6*0,1*2+4*0,8*0,1 = 1,184$		
21	AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	23.680
		$(1,2*3,6*2+4*0,8)*2 = 23,68$		
22	AK.31140	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM mác 75	m2	7.680
		$1,2*1,6*2*2 = 7,68$		
		CHỐNG THẤM LẤN BÊ TƯỜNG VÀ TRẦN		
23	P.10.20	Công tác cạo bột trét, sơn cũ trên tường trần	m2	263.680
		$9,2*2*4+14,4*2*2 = 131,2$		
		$9,2*14,4 = 132,48$		
24	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	263.680

		$9,2*2*4+14,4*2*2 = 131,2$		
		$9,2*14,4 = 132,48$		
25	AK.84112	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	263.680
		$9,2*2*4+14,4*2*2 = 131,2$		
		$9,2*14,4 = 132,48$		
26	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	100m	0.160
		$16/100 = 0,16$		
27	BB.41103	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	100m	0.150
		$15/100 = 0,15$		
28	BB.41101	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 20mm	100m	0.120
		$12/100 = 0,12$		
29	BB.91702	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	cái	2.0
		$2 = 2$		
30	AB.11313	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp III	m3	6.0970
		$(34,5+6,2*2)*0,65*0,2 = 6,097$		
31	AF.11110B	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 4x6, vữa mác 75	m3	0.9380
		$(34,5+6,2*2)*0,2*0,1 = 0,938$		
32	AF.81132	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật	100m2	0.2345
		$(0,25*2*34,5+0,25*2*6,2*2)/100 = 0,2345$		
33	AF.61521	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đã kiêng đường kính cốt thép $\leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0.4772
		$477,2/1000 = 0,4772$		
34	AF.12313	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông đà kiềng, đá 1x2, mác 250	m3	1.8760
		$0,2*0,2*34,5+0,2*0,2*6,2*2 = 1,876$		
35	AE.63213	Xây gạch ống 8x8x19, xây tường thẳng chiều dày $\leq 30cm$, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM mác 75	m3	4.2210
		$0,2*0,45*34,5+0,2*0,45*6,2*2 = 4,221$		
36	AK.21133	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	42.210
		$0,45*34,5*2+0,45*6,2*2*2 = 42,21$		
37	TT	trải tấm nilon chống mất nước	m2	97.0
		$97 = 97$		

38	AB.61250	Bơm cát san lấp mặt bằng phương tiện thủy (tàu hoặc sà lan), cự ly vận chuyển $\leq 3\text{km}$	100m ³	0.720
		$72/100 = 0,72$		
39	AB.66144	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,98$	100m ³	0.720
		$72/100 = 0,72$		
40	AD.22111	Làm mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm, chiều dày mặt đường đã lên ép 10cm	100m ²	0.440
		$44/100 = 0,44$		
41	AK.41224	Láng nền sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM mác 100	m ²	213.90
		$34,5*6,2 = 213,9$		

V. CẢI TẠO KHOA NGOẠI

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
1	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m ³	41.8305
		$25,5*0,2*3,6 = 18,36$		
		$17,8*0,2*3,6 = 12,816$		
		$(5,0*2+3,7)*0,2*3,6 = 9,864$		
		Bậc thang:		
		$(0,3*0,17)/2*1,55*20 = 0,7905$		
2	SA.12121	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan cầm tay	m ³	3.1910
		Bản thang:		
		$3,5*1,55*0,12*2 = 1,302$		
		$2,0*3,7*0,12 = 0,888$		
		Dầm thang:		
		$0,2*0,35*(3,5*2+1,8*2+3,7) = 1,001$		
3	SA.21231	Tháo dỡ lan can	m	7.0000
		$3,5*2 = 7$		
4	SA.21312	Tháo dỡ chậu rửa	bộ	2.0000
		$2 = 2$		
5	SA.11331	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 11\text{cm}$	m ³	2.5920
		$(2,9+4,3)*0,1*3,6 = 2,592$		
6	SA.21111	Tháo dỡ khuôn cửa đơn	m	21.5200
		$(2,35*2+1,6)*2 = 12,6$		
		$(1,6+2,86)*2 = 8,92$		
7	SA.31321	Đục mở tường làm cửa, loại tường xây gạch chiều dày $\leq 11\text{cm}$	m ²	2.5615
		$1,09*2,35 = 2,5615$		
8	SA.11212	Phá dỡ nền gạch lá nem	m ²	75.2400
		$7,3*10 = 73$		
		WC:		
		$1,6*1,4 = 2,24$		
9	AE.63113	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19cm - Chiều dày $\leq 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PC40	m ³	1.7460
		Vách:		
		$4,3*1,0*0,1 = 0,43$		
		WC:		
		$(1,6+1,4)*0,1*3,6 = 1,08$		

		Trừ cửa:		
		$-0,7*2,0*0,1 = -0,14$		
		Bít cửa:		
		$1,6*2,35*0,1 = 0,376$		
10	AE.63213	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19cm - Chiều dày ≤ 30 cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M75, PC40	m3	3.1140
		$(7,3+10)*0,2*0,9 = 3,114$		
11	AK.21233	Trát tường trong dày 2cm, vữa XM M75, PC40	m2	66.0600
		$1,746/0,1*2 = 34,92$		
		$3,114/0,2*2 = 31,14$		
12	SB.61524	Trát phào kép, vữa XM M75, XM PC40	m	5.7900
		$1,09+2,35*2 = 5,79$		
13	AF.11110A	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤ 250 cm, M150, đá 4x6, PC40	m3	0.2240
		$1,6*1,4*0,1 = 0,224$		
14	AK.41123	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PC40	m2	75.2400
		$7,3*10 = 73$		
		$1,6*1,4 = 2,24$		
15	AK.51240	Lát nền gạch 300x300 nhám, vữa XM M75, PC40	m2	2.2400
		$1,6*1,4 = 2,24$		
16	AK.31140	Ôp tường gạch 300x600, vữa XM M75, PC40	m2	36.2800
		$(1,6+1,4)*2*2,1 = 12,6$		
		Trừ cửa:		
		$-0,7*2,0 = -1,4$		
		Vách: $4,3*1,0*2-1,6*1,0*2 = 5,4$		
		$((6,7*2+6,2)-1,6*2)*1,2 = 19,68$		
17	AK.41123	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PC40	m2	73.0000
		$7,3*10 = 73$		
18	AK.51250	Lát nền gạch 400x400, vữa XM M75, PC40	m2	73.0000
		$7,3*10 = 73$		
19	AI.63232	Lắp dựng vách kính khung nhôm 12ly	m2	9.8900
		$4,3*(3,3-1,0) = 9,89$		
20	AI.11541	Gia công cửa đi Vs kính 8mm khung nhôm hệ 55 (cửa WC)	m2	1.4000
		$0,7*2,0 = 1,4$		
21	AI.11541	Gia công cửa đi kính 8mm khung nhôm hệ 55	m2	9.7915
		$1,5*2,35 = 3,525$		
		$1,09*2,35 = 2,5615$		
		$1,3*2,85 = 3,705$		
22	AI.63121	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	m2	11.1915
		$1,4+9,7915 = 11,1915$		
23	AI.11221	Gia công xà gỗ thép	tấn	0.4384
		$(404,49+33,94)/1000 = 0,4384$		
24	AI.61131	Lắp dựng xà gỗ thép	tấn	0.4384
		$(404,49+33,94)/1000 = 0,4384$		
25	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi, chiều dài bất kỳ, dày 4,5zem	100m2	0.7300
		$7,3*10/100 = 0,73$		
26	AK.64320	Thi công trần bằng tấm nhựa khung xương	m2	73.0000

		$7,3 \times 10 = 73$		
27	SA.11811	Cao bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột trong nhà	m2	1,775.8400
		Trệt:		
		Hành lan: $107,5 \times (3,5 - 1,2) = 247,25$		
		Phòng bên: $(4,1 + 3,1) \times 2 \times 9 \times (3,5 - 1,2) = 298,08$		
		P. trường khoa: $(4,1 + 3,1) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 33,12$		
		P. trực 1: $(3,7 + 3,2) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 31,74$		
		P. trực 2: $(3,5 + 3,2) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 30,82$		
		P. nhân viên 1: $(3,2 + 2,5) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 26,22$		
		P. nhân viên 2: $(2,5 + 2,5) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 23$		
		P. bác sĩ: $(3,6 + 2,5) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 28,06$		
		P. cc ngoại: $(8,2 \times 2 + 6,1 + 1,7 \times 3) \times (3,5 - 1,2) = 63,48$		
		P. trực hành chánh: $(6,75 \times 2 + 4,4) \times (3,5 - 1,2) = 41,17$		
		P. nhân viên: $(5,0 + 1,6) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 30,36$		
		P. oxy: $(6,1 + 5,0) \times 2 \times (3,5 - 1,2) = 51,06$		
		Trừ cửa:		
		$-1,5 \times 1,2 \times 18 = -32,4$		
		$-0,9 \times 1,2 \times 5 = -5,4$		
		$-0,7 \times 1,2 \times 24 = -20,16$		
		$-2,4 \times 1,6 \times 7 = -26,88$		
		$-1,5 \times 1,6 \times 7 = -16,8$		
		Lầu 1:		
		P. hành chánh + P. bệnh: $(9,1 + 4,9) \times 2 \times 4 \times (3,3 - 1,2) = 235,2$		
		P. sơ sinh: $(5,3 + 3,3) \times 2 \times (3,3 - 1,2) = 36,12$		
		P. tiêm truyền: $(3,3 + 3,5) \times 2 \times (3,3 - 1,2) = 28,56$		
		P. bệnh: $(6,2 + 4,9) \times 2 \times 4 \times (3,3 - 1,2) = 186,48$		
		P. bệnh: $(4,1 + 5,8) \times 2 \times (3,3 - 1,2) = 41,58$		
		P. bệnh: $(4,1 + 3,2) \times 2 \times 5 \times (3,3 - 1,2) = 153,3$		
		P. bệnh: $(5,9 + 5,8) \times 2 \times (3,3 - 1,2) = 49,14$		
		P. bệnh: $(4,2 + 3,2) \times 2 \times 4 \times (3,3 - 1,2) = 124,32$		
		P. bệnh: $(4,9 + 3,2) \times 2 \times (3,3 - 1,2) = 34,02$		
		Hành lan: $120 \times (3,3 - 1,2) = 252$		
		Trừ cửa:		
		$-1,5 \times 1,2 \times 22 \times 2 = -79,2$		
		$-0,9 \times 1,2 \times 6 = -6,48$		
		$-0,7 \times 1,2 \times 4 = -3,36$		
		$-2,4 \times 1,6 \times 14 = -53,76$		
		$-1,5 \times 1,6 \times 8 = -19,2$		
		$-3,5 \times 1,6 = -5,6$		
28	SB.81411	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - tường	m2	1,775.8400
		$1.775,84 = 1.775,84$		
29	SB.81412	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - cột, dầm, trần	m2	523.6000
		Trệt trần: $523,6 = 523,6$		
30	AK.84112	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	1,775.8400
		$1.775,84 = 1.775,84$		
31	AK.84112	Sơn trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	523.6000
		$523,6 = 523,6$		
32	BA.161031	Lắp đặt dây đơn $1 \times 1,5 \text{mm}^2$	m	100.0000

		100 = 100		
33	BA.14302	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	50.0000
		50 = 50		
34	BA.154014	Lắp đặt hộp nối, phân dây	hộp	2.0000
		2 = 2		
35	BA.17101	Lắp đặt công tắc 1 hạt	cái	2.0000
		2 = 2		
36	BA.13320	Lắp đặt đèn Led dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng	bộ	12.0000
		12 = 12		
37	BB.91101	Lắp đặt chậu rửa lavabo	bộ	1.0000
		1 = 1		
38	BB.91501	Lắp đặt vòi rửa lavabo	bộ	1.0000
		1 = 1		
39	BB.91201	Lắp đặt xí bệt	bộ	1.0000
		1 = 1		
40	BB.92001	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	cái	1.0000
		1 = 1		
41	BB.91702	Lắp đặt phễu thu - Đường kính 150mm	cái	1.0000
		1 = 1		
42	BB.91401	Lắp đặt 1 vòi tắm, 1 hương sen	bộ	1.0000
		1 = 1		
43	BB.41109	Lắp đặt ống nhựa PVC D114	100m	0.0400
		$4/100 = 0,04$		
44	BB.75107	Lắp đặt Co PVC D114	cái	2.0000
		2 = 2		
45	BB.75127	Lắp đặt Te PVC D114	cái	1.0000
		1 = 1		
46	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa PVC D90	100m	0.0400
		$4/100 = 0,04$		
47	BB.75105	Lắp đặt Co PVC D90	cái	3.0000
		3 = 3		
48	BB.41104	Lắp đặt ống nhựa PVC D42	100m	0.0400
		$4/100 = 0,04$		
49	BB.75105	Lắp đặt Co PVC D42	cái	3.0000
		3 = 3		
50	SA.11921	Đục nhám mặt bê tông	m2	85.0500
		$(27,9+66,6)*0,9 = 85,05$		
51	AK.41124	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm tạo dốc	m2	85.0500
		$(27,9+66,6)*0,9 = 85,05$		
52	AK.92111	Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng	m2	85.0500
		$(27,9+66,6)*0,9 = 85,05$		

VI. CẢI TẠO CĂN TIN VÀ KHOA DINH DƯỠNG

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
1	SA.21111	Tháo dỡ khuôn cửa đơn	m	57.0000
		D1: $(2,2+1,5+2,2)*3 = 17,7$		
		D2: $(2,2+0,9+2,2) = 5,3$		

		$S1: (2,4+1,85)*2*4 = 34$		
2	SA.31321	Đục mở tường làm cửa, loại tường xây gạch chiều dày $\leq 11\text{cm}$	m2	5.0250
		$0,75*3,35*2 = 5,025$		
3	SA.11212	Phá dỡ nền gạch lá nem	m2	225.0000
		$22,5*10 = 225$		
4	AB.11413	Đào đà kiềng:	1m3	7.7780
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*0,4*0,5*1,3 = 2,886$		
		$4,5*2,2*0,2 = 1,98$		
		Cẩn tin:		
		$(4,5*2+5)*0,4*0,4*1,3 = 2,912$		
5	TT	Chuyển xà bần ra khỏi CT	bộ	1.0000
		$1 = 1$		
6	AF.11111	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, M150, đá 4x6, PC40	m3	1.9940
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*0,4*0,1 = 0,444$		
		$4,5*2,2*0,1 = 0,99$		
		Cẩn tin:		
		$(4,5*2+5)*0,4*0,1 = 0,56$		
7	AF.81141	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0.1506
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*0,3*2/100 = 0,0666$		
		Cẩn tin:		
		$(4,5*2+5)*0,3*2/100 = 0,084$		
8	AF.12313	Bê tông đà kiềng + nền WC, M250, đá 1x2, PC40	m3	2.4960
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*0,2*0,3 = 0,666$		
		$4,5*2,2*0,1 = 0,99$		
		Cẩn tin:		
		$(4,5*2+5)*0,2*0,3 = 0,84$		
9	AF.61511	Lắp dựng cốt thép đà kiềng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0.0352
		$35,16/1000 = 0,0352$		
10	AF.61521	Lắp dựng cốt thép đà kiềng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0.0982
		$98,19/1000 = 0,0982$		
11	AF.12312	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PC40	m3	0.5020
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*0,1*0,2 = 0,222$		
		Cẩn tin:		
		$(4,5*2+5)*0,1*0,2 = 0,28$		
12	AF.81141	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0.1255
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*(0,1+0,2*2)/100 = 0,0555$		
		Cẩn tin:		
		$(4,5*2+5)*(0,1+0,2*2)/100 = 0,07$		
13	AF.61511	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0.0094

		$9,38/1000 = 0,0094$		
14	AF.61521	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0.0464
		$46,44/1000 = 0,0464$		
15	AE.63113	Xây tường thẳng bằng gạch ống $8 \times 8 \times 19\text{cm}$ - Chiều dày $\leq 10\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, PC40	m3	9.3550
		CW:		
		$(4,5+2,2*3)*0,1*3,35 = 3,7185$		
		$0,75*0,1*1,15*2 = 0,1725$		
		Bít cửa: $0,9*2,2*0,1 = 0,198$		
		Căn tin:		
		$(4,5*2+5)*0,1*3,35 = 4,69$		
		$0,6*0,1*2,2 = 0,132$		
		$2,4*0,1*1,85 = 0,444$		
16	AK.21233	Trát tường trong dày 2cm, vữa XM M75, PC40	m2	187.1000
		$(9,355/0,1)*2 = 187,1$		
17	SA.11811	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường ngoài	m2	260.0000
		$(10*2+22,5*2)*4,0 = 260$		
18	SA.11811	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường trong	m2	249.5750
		$(10*2+22,5*2+4,5+5)*3,35 = 249,575$		
19	AK.82510	Bả bằng bột bả vào tường	m2	696.6750
		$187,1+260+249,575 = 696,675$		
20	AK.84112	Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	436.6750
		$187,1+249,575 = 436,675$		
21	AK.84114	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	260.0000
		$260 = 260$		
22	AK.41223	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PC40	m2	225.0000
		$22,5*10 = 225$		
23	AK.51230	Lát nền, gạch Ceramic 600×600	m2	218.3000
		$22,5*10 = 225$		
		Trừ WC:		
		$-4,5-2,2 = -6,7$		
24	AK.51240	Lát nền gạch Ceramic 300×300	m2	9.9000
		$4,5*2,2 = 9,9$		
25	AK.31150	Ôp tường gạch 300×600	m2	44.0000
		$4,5*2,0*2 = 18$		
		$2,2*2,0*8 = 35,2$		
		Trừ cửa:		
		$-0,75*2,0*2*2 = -6$		
		$-0,8*2,0*2 = -3,2$		
26	AI.11521	Gia công cửa đi Xingfa, kính cường lực 10 li:	m2	11.8800
		D1: $1,5*2,2*3 = 9,9$		
		D2: $0,9*2,2 = 1,98$		
27	AI.11521	Gia công cửa đi Xingfa WC	m2	3.0000
		$0,75*2,0*2 = 3$		
28	AI.63231	Lắp dựng vách kính 8li + khung nhôm	m2	13.3200
		$2,4*1,85*3 = 13,32$		
29	AI.63231	Lắp dựng lam nhựa giả gỗ	m2	22.2000
		$2,4*1,85*5 = 22,2$		

30	SA.21271	Tháo dỡ trần	m2	225.0000
		$22,5 \times 10 = 225$		
31	AK.64320	Thi công trần bằng tấm nhựa khung xương	m2	225.0000
		$22,5 \times 10 = 225$		
32	AB.11413	Đào móng	1m3	14.9136
		Móng: $0,7 \times 0,7 \times 0,8 \times 1,3 \times 6 = 3,0576$		
		Đà bó nền:		
		$(11,1 + 28,6 + 5,9) \times 0,5 \times 0,4 \times 1,3 = 11,856$		
33	AF.11110A	Bê tông lót móng, M150, đá 4x6, PC40	m3	2.1180
		Móng: $0,7 \times 0,7 \times 0,1 \times 6 = 0,294$		
		Đà bó nền: $(11,1 + 28,6 + 5,9) \times 0,4 \times 0,1 = 1,824$		
34	AF.11213	Bê tông móng, M250, đá 1x2, PC40	m3	0.8220
		Móng: $0,5 \times 0,5 \times 0,5 \times 6 = 0,75$		
		Cổ cột: $0,2 \times 0,2 \times 0,3 \times 6 = 0,072$		
35	AF.81132	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	100m2	0.0744
		$0,5 \times 0,5 \times 4 \times 6 / 100 = 0,06$		
		$0,2 \times 0,3 \times 4 \times 6 / 100 = 0,0144$		
36	AF.61110	Lắp dựng cốt thép móng, $\Phi K \leq 10\text{mm}$	tấn	0.0056
		$5,59 / 1000 = 0,0056$		
37	AF.61120	Lắp dựng cốt thép móng, $\Phi K \leq 18\text{mm}$	tấn	0.0213
		$21,31 / 1000 = 0,0213$		
38	AE.51113	Xây gạch thẻ bó nền	m3	3.6480
		$(11,1 + 28,6 + 5,9) \times 0,2 \times 0,4 = 3,648$		
39	AB.66141	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	100m3	0.4762
		$11,1 \times 28,6 \times 0,15 / 100 = 0,4762$		
40	AF.15513	Bê tông sản xuất bằng máy trộn và đổ bằng thủ công, bê tông gạch vỡ, M50, XM PC40	m3	15.8730
		$11,1 \times 28,6 \times 0,05 = 15,873$		
41	AK.41223	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PC40	m2	317.4600
		$11,1 \times 28,6 = 317,46$		
42	AI.11131	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0.1079
		$(96,62 + 11,3) / 1000 = 0,1079$		
43	AI.61111	Lắp cột thép các loại	tấn	0.1079
		$(96,62 + 11,3) / 1000 = 0,1079$		
44	AI.11221	Gia công xà gồ , bán kèo thép	tấn	0.4275
		$427,46 / 1000 = 0,4275$		
45	AI.61131	Lắp dựng xà gồ , bán kèo thép	tấn	0.4275
		$427,46 / 1000 = 0,4275$		
46	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi, chiều dài bất kỳ, dày 4,2zem	100m2	0.8475
		$22,6 \times 3,75 / 100 = 0,8475$		
47	AK.64320	Thi công trần bằng tấm nhựa khung xương	m2	90.0000
		$22,5 \times 4 = 90$		
48	BA.161031	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$, 1x1,5mm2	m	500.0000
		$500 = 500$		
49	BA.161032	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$, 1x2,5mm2	m	300.0000
		$300 = 300$		
50	BA.161042	Lắp đặt dây đơn $\leq 6\text{mm}^2$, 1x6mm2	m	100.0000
		$100 = 100$		

51	BA.14401	Lắp đặt ống nhựa bảo hộ dây dẫn - Đường kính 16mm	m	380.0000
		380 = 380		
52	BA.18203	Lắp đặt CB 60A	cái	1.0000
		1 = 1		
53	BA.154014	Lắp đặt hộp nối + mặt	bộ	25.0000
		25 = 25		
54	BA.17201	Lắp đặt ổ cắm đơn	cái	36.0000
		36 = 36		
55	BA.17101	Lắp đặt công tắc đơn	cái	15.0000
		15 = 15		
56	BA.13605	Lắp đặt đèn trang trí âm trần	bộ	62.0000
		62 = 62		
57	BB.41109	Lắp đặt ống nhựa PVC D114	100m	0.1200
		12/100 = 0,12		
58	BB.75127	Lắp đặt co nhựa PVC D114	cái	4.0000
		4 = 4		
59	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa PVC 90	100m	0.3200
		32/100 = 0,32		
60	BB.75105	Lắp đặt co PVC 90	cái	7.0000
		7 = 7		
61	BB.41104	Lắp đặt ống nhựa PVC D42	100m	0.0800
		8/100 = 0,08		
62	BB.75102	Lắp đặt co nhựa PVC D42	cái	12.0000
		12 = 12		
63	BB.41102	Lắp đặt ống nhựa PVC 21	100m	0.4000
		40/100 = 0,4		
64	BB.75202	Lắp đặt co nhựa PVC 21	cái	25.0000
		25 = 25		
65	BB.86201	Lắp đặt van 21	cái	1.0000
		1 = 1		
66	BB.73302	Lắp đặt co răng thau 21	cái	9.0000
		9 = 9		
67	BB.91201	Lắp đặt xi bết	bộ	2.0000
		2 = 2		
68	BB.91101	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	bộ	3.0000
		3 = 3		
69	BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	3.0000
		3 = 3		
70	BB.92001	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	cái	2.0000
		2 = 2		
71	BB.91901	Lắp đặt gương soi	cái	3.0000
		3 = 3		
72	TT	Quầy phục vụ	bộ	1.0000
		1 = 1		
73	TT	Bàn ăn dài phòng VIP	cái	1.0000
		1 = 1		
74	TT	Bàn ăn	cái	6.0000
		6 = 6		
75	TT	Ghế bàn ăn	cái	50.0000
		50 = 50		

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Tịnh Biên.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: *Lê Thành Hậu, số điện thoại: 0777.040.070, địa chỉ email: ltchau01@gmail.com.*
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Lê Thành Hậu, Phòng Tổ chức – Hành chính Trung tâm Y tế Tịnh Biên, Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm Sơn Đông, Phường Thới Sơn, tỉnh An Giang.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h **ngày 07 tháng 11 năm 2025** đến trước 15h00 **ngày 17 tháng 11 năm 2025**.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ **ngày 17 tháng 11 năm 2025**.
6. Nội dung yêu cầu báo giá
Chủ đầu tư liệt kê chi tiết đơn giá và thành tiền danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng kê chi tiết trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HST.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Huy

Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ hành hóa, thiết bị
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ hành hóa, thiết bị như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ hành hóa, thiết bị.

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	ĐVT	Đơn giá		Thành tiền	
				Nhân công	Máy thi công	Nhân công	Máy thi công
1							
2							
3							
CỘNG							
THUẾ VAT %							
TỔNG CỘNG							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

NV: Lê Thành Hậu